

TTOT

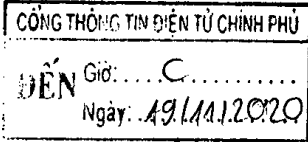
CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách phát triển nghề công chứng



CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*
- Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;*
- Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;*
- Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.*

QUYẾT NGHỊ:

Triển khai thi hành Luật Công chứng, Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”, đến nay Hiệp hội công chứng viên Việt Nam và 55 Hội công chứng viên đã được thành lập với 2.709 công chứng viên đang hành nghề tại 1.186 tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có 1.068 Văn phòng công chứng. Hoạt động công chứng được xã hội hóa mạnh mẽ, cơ bản đáp ứng nhu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức, khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, thời gian gần đây đã xuất hiện tình trạng, hiện tượng chưa phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển nghề công chứng, cụ thể là: Văn phòng công chứng được thành lập không căn cứ vào nhu cầu công chứng; việc chuyên trụ sở Văn phòng công chứng từ các huyện vào trung tâm các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, gây

ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của nghề công chứng, tiềm ẩn nguy cơ vi phạm pháp luật của một số tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, đồng thời không đáp ứng được nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức tại các huyện, các vùng xa trung tâm; chất lượng đội ngũ công chứng viên chưa đồng đều, còn có hiện tượng vi phạm pháp luật, đạo đức hành nghề; việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa tương xứng với sự phát triển các nhu cầu giao dịch trong hoạt động công chứng, chưa đáp ứng yêu cầu ngăn ngừa các hành vi lừa đảo, lợi dụng công chứng để hợp pháp hóa các giao dịch bất hợp pháp, gây mất trật tự an toàn xã hội; công tác quản lý nhà nước còn thiếu công cụ hỗ trợ cần thiết trong bối cảnh xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động công chứng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên chưa phát huy được trách nhiệm tự quản.

Từ thực tiễn nêu trên, căn cứ quy định của Luật Công chứng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch, nhằm bảo đảm sự ổn định, bền vững của nghề công chứng, Chính phủ quyết nghị ban hành chính sách phát triển nghề công chứng với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ CÔNG CHỨNG

1. Mục tiêu

Phát triển nghề công chứng ổn định, bền vững nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, phòng ngừa tranh chấp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức; đổi mới hoạt động công chứng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và cải cách tư pháp, đưa hoạt động công chứng Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

2. Định hướng

a) Phát triển đội ngũ công chứng viên có chất lượng, số lượng phù hợp với nhu cầu xã hội, gắn việc bảo đảm quyền hành nghề của công chứng viên với việc chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng.

b) Phát triển tổ chức hành nghề công chứng có kiểm soát gắn với địa bàn dân cư, bảo đảm đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức; không tập trung nhiều tổ chức hành nghề công chứng trên cùng một địa bàn cấp huyện; tiếp tục đổi mới các Phòng công chứng bảo đảm tinh gọn, cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động có hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ công chứng phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác quản lý nhà nước; có biện pháp hỗ trợ việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

c) Khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch để bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, góp phần giảm tải công việc của cơ quan hành chính, giảm biên chế và chi

ngân sách nhà nước.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nghề công chứng, bảo đảm vai trò định hướng, điều tiết của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển nghề công chứng; gắn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về công chứng tại địa phương trong việc kiểm soát phát triển tổ chức hành nghề công chứng; chuẩn hóa quy trình, thủ tục công chứng cùng với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, tiến tới thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử; nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp của các bộ, ngành với Bộ Tư pháp về tổ chức và hoạt động công chứng, đặc biệt là trong việc chia sẻ thông tin, liên thông các thủ tục hành chính; đấu tranh phòng chống tội phạm, lợi dụng công chứng để hợp pháp hóa các giao dịch bất hợp pháp. Phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên, nhất là trong việc đấu tranh với các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp công chứng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để tạo điều kiện cho hoạt động công chứng phát triển ổn định, bền vững.

a) Tổng kết thực hiện Luật Công chứng năm 2014, trên cơ sở đó nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng năm 2014 theo hướng nâng cao chất lượng công chứng viên; phát triển tổ chức hành nghề công chứng có kiểm soát; bảo đảm trình tự, thủ tục công chứng chặt chẽ, nghiên cứu quy định thống nhất trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực; nâng cao chất lượng dịch vụ công chứng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội; hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm trong tổ chức và hoạt động công chứng, bảo đảm đủ công cụ pháp lý để thực hiện quản lý nhà nước có hiệu quả. Nghiên cứu từng bước xây dựng cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về công chứng với pháp luật có liên quan, bao gồm pháp luật về dân sự, đất đai, nhà ở, đầu tư, chứng thực, biện pháp bảo đảm...

c) Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính đối với tổ chức hành nghề công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; rà soát, bổ sung quy định về tài chính trong việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động công chứng làm cơ sở cho việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực công chứng; hướng dẫn chế độ tài chính của Phòng công chứng nhằm giải quyết một số bất cập về tài chính của Phòng công chứng, đồng thời, bảo đảm Phòng công chứng giữ vai trò chủ đạo trong thị trường dịch vụ công chứng, phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác quản lý nhà nước theo đúng tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao

chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xử lý hành vi sử dụng tài liệu, giấy tờ giả, giả mạo người yêu cầu công chứng và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động công chứng.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng, đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Chính phủ điện tử và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

a) Hoàn chỉnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật Công chứng để phục vụ hoạt động công chứng, đảm bảo chia sẻ và kết nối thông tin công chứng với các ngành, lĩnh vực khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đất đai, nhà ở, doanh nghiệp, dân cư với cơ sở dữ liệu công chứng bảo đảm việc kết nối liên thông giữa các Sở, ban, ngành có liên quan với các tổ chức hành nghề công chứng.

c) Thực hiện thí điểm liên thông khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, giúp phát hiện, ngăn chặn các giao dịch giả tạo, hợp pháp hóa các giao dịch bất hợp pháp, tránh thất thoát nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

d) Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho công chứng viên khai thác sử dụng hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng và thực hiện việc cập nhật, kết nối, chia sẻ các dữ liệu có liên quan đến hoạt động công chứng.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm của các quốc gia khác về mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu thông tin về công chứng, công chứng số.

3. Phát triển tổ chức hành nghề công chứng bảo đảm ổn định, bền vững gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội theo địa bàn cấp huyện.

a) Ban hành tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (sau đây gọi tắt là Tiêu chí) theo quy định của Luật Công chứng. Tiêu chí phải đánh giá được sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng gắn với nhu cầu công chứng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo địa bàn cấp huyện và bảo đảm tính khả thi, hoạt động ổn định, bền vững của Văn phòng công chứng sau khi được thành lập. Việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng mới hoặc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải phù hợp với Tiêu chí đã được ban hành, quy định của pháp luật và định hướng phát triển tổ chức hành nghề công chứng quy định tại Nghị quyết này.

b) Xây dựng Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng tại địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp tục xã hội hóa hoạt động công chứng, bảo đảm phát triển nghề công chứng phù hợp với định hướng của Luật Công chứng, Nghị quyết này và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thực hiện chặt chẽ công tác thẩm tra hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, hồ sơ thay đổi địa điểm trụ sở của Văn phòng công chứng từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác, bảo đảm thực hiện đúng Tiêu chí đã được ban hành, phù hợp với định hướng của Nghị quyết này.

d) Đẩy mạnh việc chuyển đổi hoạt động của các Phòng công chứng đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn theo đúng tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW; duy trì các Phòng công chứng đã tự chủ về tài chính để giữ vai trò chủ đạo trong cung cấp dịch vụ công chứng; chuyển đổi hoặc giải thể các Phòng công chứng hoạt động không hiệu quả tại các địa bàn mà Văn phòng công chứng đã đáp ứng được nhu cầu công chứng; những nơi khó khăn chưa có điều kiện xã hội hóa hoạt động công chứng có thể thành lập Phòng công chứng để đáp ứng yêu cầu công chứng của cá nhân, tổ chức.

4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng, phát huy vai trò của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên.

a) Chú trọng chất lượng đội ngũ công chứng viên ở tất cả các khâu đào tạo, bồi dưỡng tập sự hành nghề công chứng, bổ nhiệm công chứng viên; chuẩn hóa đầu vào của công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề công chứng; xác định chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng nghề công chứng theo từng năm, từng giai đoạn phù hợp với yêu cầu phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Đẩy mạnh việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của công dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vị trí, vai trò của hoạt động công chứng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm công chứng viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tổ chức hành nghề công chứng vi phạm pháp luật; kiên quyết tạm đình chỉ hành nghề công chứng, miễn nhiệm công chứng viên, chấm dứt hoạt động hoặc các hình thức xử lý tương ứng khác đối với các hành vi vi phạm pháp luật của công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng.

c) Thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình tổ chức và hoạt động công chứng nhằm phát hiện, điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi giả mạo tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, người yêu cầu công chứng, giấy tờ liên quan đến hoạt động công chứng; lợi dụng công chứng để hợp pháp hóa các giao dịch bất hợp pháp; lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời bảo đảm quyền hành nghề hợp pháp của công chứng viên.

d) Phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên trong việc giám sát hoạt động hành nghề của các công chứng viên; ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; kịp thời phát hiện các tiêu cực trong hành nghề công chứng, kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm, ứng xử không đúng Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; xử lý nghiêm các hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức hành nghề công chứng hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về công chứng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam.

đ) Tạo điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất để tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên thực hiện tốt nhiệm vụ tự quản theo đúng quy định của Kết luận số 102-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm về quản lý hoạt động công chứng, hành nghề công chứng tại các quốc gia có nghề công chứng phát triển.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm

a) Bộ Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại điểm a Mục 1 Phần II; điểm đ Mục 2 Phần II; các điểm a, b, c và e Mục 4 Phần II của Nghị quyết này.

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này, đôn đốc các cơ quan, tổ chức thực hiện. Sơ kết, tổng kết, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng và hướng dẫn địa phương triển khai cơ chế liên thông đối với thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế.

b) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại điểm c Mục 1 Phần II của Nghị quyết này.

- Bảo đảm ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Ngân hàng nhà nước, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương

triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại điểm b Mục 1 Phần II của Nghị quyết này.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại điểm b Mục 2 Phần II của Nghị quyết này.

đ) Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, các địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại điểm d Mục 1 Phần II của Nghị quyết này.

e) Hiệp hội công chứng viên Việt Nam chủ trì triển khai nhiệm vụ quy định tại điểm d Mục 4 Phần II của Nghị quyết này.

g) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

- Chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại các điểm a, d, đ Mục 2 Phần II; Mục 3 Phần II; các điểm b, c, đ và e Mục 4 Phần II của Nghị quyết này.

- Chịu trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước đối với việc phát triển nghề công chứng tại địa phương theo Nghị quyết này và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí, bố trí nguồn nhân lực và tổ chức triển khai Nghị quyết tại địa phương, định kỳ hàng năm thực hiện việc sơ kết, tổng kết tình hình triển khai Nghị quyết báo cáo Chính phủ, Bộ Tư pháp.

h) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hải Dương thực hiện thí điểm theo nhiệm vụ, giải pháp cụ thể quy định tại điểm c Mục 2 Phần II của Nghị quyết này; khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khác thực hiện thí điểm liên thông các thủ tục hành chính quy định tại điểm c Mục 2 Phần II của Nghị quyết này.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí triển khai thực hiện Nghị quyết thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm chủ trì triển khai các nội dung của Nghị quyết căn cứ vào nội dung, tiến độ thực hiện các hoạt động và chế độ chi tiêu hiện hành xây dựng dự toán kinh phí hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định của pháp luật.

Đối với các nhiệm vụ do bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương thực hiện do ngân sách trung ương bảo đảm; đối với các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở địa phương thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm.

3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết; đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết hàng năm. Bộ Tư pháp đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết này, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, PL (2). 108

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc